

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019
Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân,

2. Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 657/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2019/QĐST-HGND, ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn N; Nơi cư trú: Thôn 8, xã L, huyện T, thành phố H; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị N; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị P và chồng ông Lê Văn T; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Văn N trình bày: Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 8, xã L, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nhất vào năm 2012. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau, do mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay không còn quan tâm nhau. Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P (bố mẹ đẻ chị N) số tiền 10.000.000 đồng là tiền trả công cho thợ chất nhà, nay ly hôn anh Lê Văn N đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho bà P và ông Toàn, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không còn khoản nợ nào khác.

Bị đơn là chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa, song tại Biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2019 chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2010, sau khi cưới vợ chồng về sinh sống cùng bố mẹ anh N tại thôn 8, xã L, huyện T, thành phố H được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N hay đánh đập chị nhiều lần nên chị N không thể chung sống được và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 5, xã L, huyện T, thành phố H ở từ năm 2012 đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay anh Lê Văn N xin ly hôn chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống bố mẹ chị (ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P) có cho vợ chồng vay số tiền 10.000.000 đồng tiền công thợ chất nhà, nay anh N xin ly hôn chị N yêu cầu anh N phải có trách nhiệm trả nợ cho bố mẹ chị. Ngoài ra vợ chồng không còn khoản nợ nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa, song tại Biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 9 năm 2019 bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà là bố mẹ đẻ của chị Lê Thị N, chị N và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong

tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2010, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn 8, xã L, huyện T, thành phố H cùng bố mẹ anh N, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà ở từ năm 2012 đến nay và có nói trong quá trình chung sống do anh N chửi bới, đánh đập nên chị N không thể tiếp tục chung sống. Nay anh Lê Văn N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Sau khi chị N và anh N kết hôn vợ chồng bà có đứng ra thuê thợ chất nhà giúp vợ chồng anh N và có trả công thợ hết 10.000.000 đồng nay anh N và chị N ly hôn, quan điểm của bà P trình bày anh Lê Văn N đã đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này, sau này anh Lê Văn N không trả hoặc trả không đầy đủ thì vợ chồng bà P và ông Toàn sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Vì điều kiện công việc ông Toàn bận đi làm nên không đến Tòa án được, quan điểm của bà P chính là quan điểm của chồng bà (ông Lê Văn T).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Lê Văn N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là chị Lê Thị N, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị N tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn N và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ nhân thân: Cho anh Lê Văn N được ly hôn chị Lê Thị N; Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Lê Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Anh Lê Văn N không có yêu cầu, chị Lê Thị N vắng mặt song đã có quan điểm trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về vay nợ chung: Nguyên đơn anh Lê Văn N trình bày trong quá trình chung sống anh có vay nợ ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P (bố mẹ đẻ chị N) số tiền 10.000.000 đồng tiền trả công thợ chất nhà, nay anh và chị N ly hôn anh đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ bà Nguyễn Thị P trình bày anh Lê Văn N đã đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này, sau này anh Lê Văn N không trả hoặc trả không đầy đủ thì vợ chồng bà P và ông Toàn sẽ

có đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị N và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, song chị N và ông T vẫn đều vắng mặt không có quan điểm trình bày rõ về việc vay nợ chung của anh Lê Văn N và chị Lê Thị N, vì vậy Kiểm sát viên không đề cập giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn N; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn N và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122, ngày 13/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, do mâu thuẫn nên vợ chồng anh N và chị N đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Lê Thị N vẫn vắng mặt không có lý do, song đã có quan điểm trình bày xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị N đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn N, cho anh Lê Văn N được ly hôn chị Lê Thị N.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn N trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị Lê Thị N vắng mặt song đã có lời khai

trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Anh Lê Văn Ntrình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Nvắng mặt, song đã có lời khai trình bày chị và anh Nkhông có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về vay nợ chung:

Nguyên đơn anh Lê Văn Ntrình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có vay nợ ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P(bố mẹ đẻ chị N) số tiền 10.000.000 đồng tiền trả công thợ chất nhà, nay anh và chị Nly hôn anh đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Người có quyền lợi nghĩa vụ bà Nguyễn Thị Ptrình bày anh Lê Văn Nđã đồng ý nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này, sau này anh Lê Văn Nkhông trả hoặc trả không đầy đủ thì vợ chồng bà P và ông Toàn sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Nvà Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, song chị Nvà ông Toàn đều vắng mặt không có quan điểm trình bày về việc vay nợ chung của anh Lê Văn Nvà chị Lê Thị N, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vay nợ chung trong vụ án này.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Lê Văn Nphải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn N được ly hôn chị Lê Thị N.
2. Về án phí: Anh Lê Văn N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002907, ngày 16

tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Lê Văn Nễn nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sứ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đắc Hân

Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

